**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC THÁNG 4/2025**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. **Lĩnh vực phát triển thể chât** | | | | |
| **Mục tiêu** | **Các hình thức giáo dục** | | | |
| **Sinh hoạt** | **Giờ học** | **HĐNT** | **Kỹ năng** |
| 1. **Phát triển vận động**   1/ Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi  2/ Trẻ thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu (nhanh nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể) | + Hô hấp: tập hít vào, thở ra.  + Tay: bài tập 2: 2 tay đưa thẳng ra phía trước  + Bụng: bài tập 3: nghiên người sang 2 bên  + Chân: bài tập 1: ngồi xuống, đứng lên | + Hô hấp: tập hít vào, thở ra.  + Tay: bài tập 2: 2 tay đưa thẳng ra phía trước  + Bụng: bài tập 3: nghiên người sang 2 bên  + Chân: bài tập 1: ngồi xuống, đứng lên  + Bò, trườn qua vật cản.  + Đứng co một chân  + Bật qua vạch kẻ | + Đi trong đường hẹp có mang vật trên đầu.  + Bật xa bằng 2 chân  + Tung và bắt bóng  + Ném bóng vào đích | - Trẻ biết chơi cạnh nhau ,cùng nhau hợp tác vui chơi và không giành vai chơi  - Trẻ biết tự chọn đồ chơi, lấy và cất đúng nơi qui định |
| 3/Thực hiện các cử động bàn tay, ngón tay | + Xúc cơm, uống nước.  + Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. |  |  | - Chắp ghép hình.  - Tập cầm bút tô, vẽ.  - Lật mở trang sách.  - Tập xâu, luồn dây. |
| 1. ***Giáo dục dinh dưỡng và sức khoẻ***   1/ Trẻ thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ. | - Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau.  - Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống.  - Trẻ luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa. |  |  |  |
| 2/ Trẻ có khả năng thực hiện một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân, giữ gìn sức khỏe | + Xúc cơm, uống nước.  + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt.  + Chuẩn bị chỗ ngủ.  + Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định.  + Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt.  - Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...). |  |  |  |
| 1. **Lĩnh vực phát triển nhận thức** | | | | |
| **Mục tiêu** | **Các hình thức giáo dục** | | | |
| **Sinh hoạt** | **Giờ học** | **HĐNT** | **Kỹ năng** |
| - Trẻ thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh. | - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc.  - Sờ nắn, nhìn, ngửi... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. |  | - Cho trẻ quan sát con thỏ. | - Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. |
| - Trẻ có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản | - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/lớp. | - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì. |  |  |
| - Trẻ có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc. | - Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân.  - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp.  - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. | - Hình tròn, hình vuông. |  | - Chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu. |
| 1. **Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ** | | | | |
| **Mục tiêu** | **Các hình thức giáo dục** | | | |
| **Sinh hoạt** | **Giờ học** | **HĐNT** | **Kỹ năng** |
| - Trẻ biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ. | - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? cái gì đây? | - Hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.  - Trả lời các câu hỏi: “Ai đây?”, “Cái gì đây? (ví dụ: con gà gáy thế nào?”, ...) | - Trò chuyện với trẻ về con chim bồ câu |  |
| - Trẻ sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu. | - Phát âm rõ tiếng.  - Đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.  - Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.  - Bày tỏ nhu cầu của bản thân. |  |  | - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.  - Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.  - Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn |
| - Trẻ hồn nhiên trong giao tiếp. | - Chào hỏi, trò chuyện.  - Lắng nghe khi người lớn đọc sách.  - Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn. |  |  | - Lắng nghe khi người lớn đọc sách.  - Phát âm rõ tiếng. |
| 1. **Lĩnh vực phát triển tình cảm - xã hội thẩm mỹ** | | | | |
| **Mục tiêu** | **Các hình thức giáo dục** | | | |
| **Sinh hoạt** | **Giờ học** | **HĐNT** | **Kỹ năng** |
| - Trẻ có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những ngư­ời gần gũi. | - Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình. | - Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân. |  |  |
| - Trẻ có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi. | - Thực hiện yêu cầu đơn giản của cô giáo.  Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “dạ”, “vâng ạ”; chơi cạnh bạn, không cấu bạn.  - Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...). |  |  | - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định. |
| - Trẻ thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện. |  | - Nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc.  + Biết vâng lời mẹ.  + Đàn gà trong sân.  - Vẽ các đường nét khác nhau, di mầu, dán, nặn, xé, vò, xếp hình.  - Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/bản nhạc quen thuộc. |  | **-** Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ.  - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc. |